

Đơn vị: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ
Chương: 417

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 01 tháng 4 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

QUÝ I NĂM 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	Ước thực hiện Quý I/2022	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	327.000.000	66.400.000	20,31	42,56
1	Lệ phí	4.000.000	1.400.000	35,00	77,78
	<i>Lệ phí An toàn bức xạ</i>	<i>4.000.000</i>	<i>1.400.000</i>		
2	Phí	323.000.000	65.000.000	20,12	42,15
	<i>Thẩm định an toàn bức xạ</i>	<i>235.000.000</i>	<i>52.000.000</i>		
	<i>Thẩm định điều kiện hoạt động KHCN</i>	<i>8.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	37,50	
	<i>Chuyển giao công nghệ</i>	<i>80.000.000</i>	<i>10.000.000</i>		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	262.950.000	730.800	0,28	42,32
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	262.950.000	730.800	0,28	42,32
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ/ thường xuyên	262.950.000	730.800	0,28	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ/ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	64.050.000	12.500.000	19,52	39,71
1	Lệ phí	4.000.000	1.400.000	35,00	77,78
	<i>Lệ phí An toàn bức xạ</i>	<i>4.000.000</i>	<i>1.400.000</i>		
2	Phí	60.050.000	11.100.000	18,48	37,40
	<i>Thẩm định an toàn bức xạ</i>	<i>35.250.000</i>	<i>7.800.000</i>		
	<i>Thẩm định điều kiện hoạt động KHCN</i>	<i>800.000</i>	<i>300.000</i>		
	<i>Chuyển giao công nghệ</i>	<i>24.000.000</i>	<i>3.000.000</i>		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.211.000.000	1.072.386.534	8,12	94,02
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.211.000.000	1.072.386.534	8,12	94,02
1	Chi quản lý hành chính	4.541.000.000	866.986.534	19,09	120,05

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	Ước thực hiện Quý I/2022	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ/ thường xuyên	3.895.000.000	750.054.134	19,26	117,98
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ/ không thường xuyên	646.000.000	116.932.400	18,10	135,29
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	8.670.000.000	205.400.000	2,37	49,09
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.670.000.000	205.400.000	2,37	49,09
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ghi chú:

Kinh phí sự nghiệp KHCN đã ký hợp đồng thực hiện/ đang triển khai chưa giải ngân 1.467.126.442 đồng

- Hợp đồng tuyên truyền trên Đài PTTH Bình Dương (đã ký hợp đồng, thanh toán tháng 12/2022) 496.546.442 đồng
- Hợp đồng tuyên truyền trên Báo Bình Dương (đang thực hiện đấu thầu, dự kiến thanh toán tháng 12/2022) 720.000.000 đồng
- Hợp đồng Đề án 826 - ĐH Việt Đức (đã ký hợp đồng, thanh toán tháng 12/2022) 171.700.000 đồng
- Hợp đồng Đề án 826 - ĐH Bình Dương (đã ký hợp đồng, thanh toán tháng 10/2022) 78.880.000 đồng

Ngày 01 tháng 4 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Long